

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định khung mức thu, chế độ thu, nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về thu phí sử dụng tạm thời

một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NStrong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Về thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (via hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (via hè) không vì mục đích giao thông (gọi tắt là phí lòng đường, lề đường); phí bến, bãi, mặt nước là khoản thu vào các đối tượng được phép sử dụng lòng đường, lề đường; bến, bãi, mặt nước vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, lề đường; bến, bãi, mặt nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng nộp phí sử dụng bến, bãi, mặt nước là các tổ chức, cá nhân có sử dụng bến, bãi, mặt nước do Nhà nước quản lý.

Điều 3. Đối tượng được miễn

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng lòng đường, lề đường để tổ chức trông giữ xe theo hình thức đấu giá thu phí.

2. Đối tượng không thu phí sử dụng bến, bãi, mặt nước thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 4. Mức thu phí

Số TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu
1	Phí sử dụng lề đường (via hè)	đồng/m ² /ngày	1.000
2	Phí sử dụng lòng đường	đồng/m ² /ngày	1.500

3	Phí bến tàu		
a	Tàu chở khách		
-	Tuyến hoạt động từ 100 km trở lên	đồng/ghế/lượt	1.000
-	Tuyến hoạt động dưới 100 km	đồng/ghế/lượt	500
b	Ghe, tàu, sà lan chở hàng đậu bến tàu	đồng/tấn/chuyến	1.500
c	Ghe, tàu, sà lan đậu bến tàu	đồng/m ² /đêm	1.500
4	Phí bãi		
a	Bãi đậu ghe, tàu, sà lan đậu bến	đồng/m ² /đêm	1.000
b	Bãi lên xuống hàng hóa tập trung	đồng/m ² /ngày	2.000
5	Phí mặt nước (sử dụng mặt nước để sản xuất, kinh doanh)	đồng/m ² /tháng	1.000 (tính trên diện tích sử dụng sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ tính phí: là diện tích lòng đường, lề đường và thời gian được thể hiện trên giấy thông báo cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, lề đường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Phí sử dụng lòng đường, lề đường được thu theo hàng tháng. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, lề đường có số ngày cho phép sử dụng dưới 30 ngày hoặc có yêu cầu nộp một lần thì thực hiện thu một lần.

Điều 5. Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai hoặc biên lai không đúng quy định.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền phí

Việc quản lý phí sử dụng lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước được thực hiện theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.

1. Phí lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước là khoản phí thuộc Ngân sách Nhà nước, số tiền thu phí được trích như sau:

a) Phí sử dụng lòng đường, lề đường, mặt nước do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý là phí thuộc Ngân sách Nhà nước, toàn bộ số tiền phí thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước và điều tiết cho Ngân sách xã, phường, thị trấn;

b) Phí bến, bãi do đơn vị quản lý nhà nước, sự nghiệp (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) là phí thuộc Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các bến, bãi trên địa bàn thị xã, thành phố: trích 70% trên tổng số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu, phần 30% còn lại nộp Ngân sách Nhà nước và điều tiết Ngân sách thị xã, thành phố;

- Đối với các đơn vị thu bến, bãi tại các huyện: để lại 100% trên số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu phí;

c) Phí bến, bãi do các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh là phí không thuộc Ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Phí sử dụng lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước phát sinh trên địa bàn nào thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đó quản lý, có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị được giao thu phí thuộc phạm vi mình quản lý, tổ chức thu phí và nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

3. Đơn vị thu phí có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán phí thu được nêu trên đúng theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính.

4. Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Chế độ tài chính, kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện thu phí theo đúng quy định.

Điều 9. Cơ quan Thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thu phí theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn tỉnh; theo dõi mức thu phí, tỷ lệ nộp Ngân sách Nhà nước; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc